

Tác động của đào tạo đại học với ý định khởi nghiệp của sinh viên ngoài công lập: Trường hợp điển hình tại Trường Đại học Thăng Long

Trương Đức Thảo
Nguyễn Thùy Linh
Trường Đại học Thăng Long

Nghiên cứu này kiểm định vai trò của hoạt động đào tạo đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Thăng Long. Nghiên cứu này được kiểm định dựa trên kết quả của 418 sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 03 nhân tố của hoạt động đào tạo tác động tích cực tới “Ý định khởi nghiệp” của sinh viên nhà trường theo thứ tự tăng dần từ “Chương trình đào tạo định hướng khởi nghiệp”, đến “Kiến tạo khởi nghiệp” và đến “Phương pháp đào tạo định hướng khởi nghiệp”. Cuối cùng, nghiên cứu đưa ra kết luận và đề xuất hàm ý chính sách cho trường Đại học Thăng Long trong việc thúc đẩy và nuôi dưỡng ý định khởi nghiệp cho sinh viên nhà trường.

1. Mở đầu

Hoạt động khởi nghiệp ở nước ta đã và đang diễn ra hết sức mạnh mẽ trong những năm gần đây, tuy nhiên số lượng khởi nghiệp của sinh viên còn ở mức thấp (Báo cáo của GEM, 2016). Chỉ số khởi nghiệp sáng tạo của nước ta năm 2015 chỉ xếp thứ 50 trong 60 quốc gia tham gia khảo sát, đa số các khởi nghiệp của ta không xuất phát từ đổi mới sáng tạo mà xuất phát từ nhu cầu “miếng cơm manh áo”. Cũng theo GEM, thì nhận thức về khởi nghiệp của Việt Nam khá cao nhưng ý định khởi nghiệp lại tương đối thấp, đặc biệt là ở giới trẻ.

Từ những thực tế trên, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng ý định khởi nghiệp và đặc biệt là tác động của hoạt động đào tạo bậc đại học tới ý định khởi nghiệp của sinh viên, đặc biệt riêng đối với sinh viên ngoài công lập, điển hình tại trường Đại học Thăng Long. Từ kết quả đánh giá, nhóm tác giả mạnh dạn đề xuất một số hàm ý chính sách giúp các trường đại học có hướng tác động nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp trong sinh viên.

2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu của Krueger và cộng sự (2000), của Souitaris (2007), của Rengiah (2013) và của Nguyễn Thu Thủy (2015), nhóm tác giả khái quát nên các khái niệm và thang đo nghiên cứu và được mã hóa như sau:

Bảng 1. Bảng mã hóa thang đo

Nhân tố	Mã hóa	TT	Thang đo
Y định khởi nghiệp	YD1	1	Bạn muốn trở thành một doanh nhân trong tương lai
	YD2	2	Bạn có ý chí lớn về việc khởi sự doanh nghiệp của riêng mình trong tương lai
	YD3	3	Bạn sẵn sàng cá đ tạo lập và duy trì doanh nghiệp của mình trong tương lai
Hoạt động đào tạo	DT1	4	Chương trình đào tạo cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh
	DT2	5	Chương trình học chính ở trường trang bị cho bạn đủ khả năng để khởi nghiệp
	DT3	6	Chương trình đào tạo có tính ứng dụng cao giúp sinh viên có đủ kiến thức nghiệp
	DT4	7	Chương trình đào tạo linh hoạt về thời gian giúp sinh viên có đủ kiến thức nghiệp
	DT5	8	Giảng viên chú trọng phát triển kỹ năng và khả năng kinh doanh cho sinh viên
	DT6	9	Giảng viên đào tạo về kinh doanh là những người có nhiều kinh nghiệm thực tế
	DT7	10	Phương pháp giảng dạy phù hợp với có tính ứng dụng cao
	DT8	11	Nhà trường có tổ chức các hoạt động kinh doanh có sinh viên tham gia
	DT9	12	Nhà trường có vườn ươm hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên
Hoạt động kiến tạo	KT1	13	Giảng viên thường khuyến khích các ý tưởng sáng tạo của sinh viên
	KT2	14	Giảng viên chia sẻ các câu chuyện về khởi nghiệp của các doanh nhân nổi tiếng
	KT3	15	Giảng viên tạo các điều kiện thuận lợi để sinh viên vận dụng kiến thức
	KT4	16	Nhà trường, giảng viên thường nói về những cựu sinh viên thành đạt
	KT5	17	Nhà trường thành lập các câu lạc bộ kinh doanh
	KT6	18	Nhà trường có các hoạt động cung cấp các kỹ năng cho sinh viên
	KT7	19	Nhà trường tổ chức cuộc thi khởi nghiệp kinh doanh cho sinh viên
	KT8	20	Sinh viên được tham gia thực hiện dự án kinh doanh dưới sự hướng dẫn của giảng viên
	KT9	21	Sinh viên được đi thực tế tạo doanh nghiệp và viết báo cáo
	KT10	22	Sinh viên được thực hiện kinh doanh theo tổ nhóm ở một tổ chức học
	KT11	23	Sinh viên được thực hành kinh doanh thực tế tại các lễ hội do nhà trường tổ chức

Từ cơ sở lý thuyết trên, nhóm tác giả khái quát nên mô hình nghiên cứu về tác động của đào tạo đại học đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên có dạng:

$$Y = b_0 + b_1 * X_1 + b_2 * X_2 + e$$

Với: - Y là biến phụ thuộc đại diện cho ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học Thăng Long.

- Xi: Là biến độc lập đại diện cho các nhân tố đào tạo đại học tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học Thăng Long

- e là hệ số hàm hồi quy; và e là sai số ngẫu nhiên.

3. Phương pháp tiến hành

Nghiên cứu được tiến hành dựa trên kết quả khảo sát ngẫu nhiên của 418 sinh viên đang học tại trường Đại học Thăng Long với bảng hỏi soạn sẵn gồm 20 thang đo đại diện cho biến độc lập và 03 thang đo đại diện cho biến phụ thuộc. Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý trên phần mềm SPSS 20 và được một số kết quả sau:

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả phân tích EFA lần 1 với 20 thang đo của các biến độc lập cho giá trị KMO là 0.879 thỏa mãn $0.5 < KMO < 1$ và giá trị Sig.=0.000, giá trị là tổng phương sai trích là 68.532% và Eigenvalues 1.013 > 1. Điều này cho thấy các biến thành phần có liên quan với nhau và giải thích cho biến tổng. Kết quả ma trận nhân tố xoay cho các biến nhóm lại thành 04 nhân tố chính, trong đó có nhân tố thứ 4 chỉ có 01 thang đo là DT8 nên nhóm tác giả bỏ ra khỏi nghiên cứu.

Tiếp tục phân tích EFA lần 2 với 19 thang đo của các biến độc lập cho giá trị KMO là 0.880 thỏa mãn $0.5 < KMO < 1$ và giá trị Sig.=0.000, giá trị là tổng phương sai trích là 66.750% và Eigenvalues 2.937 > 1. Điều này cho thấy các biến thành phần có liên quan với nhau và giải thích cho biến tổng. Kết quả ma trận nhân tố xoay cho biết giá trị lớn nhất của hệ số tải nhân tố đối với mỗi biến quan sát. Các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0.5 và được xếp thành 03 nhân tố đại diện cho các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Thăng Long, cụ thể như sau:

Bảng 2. Bảng quy ước các nhóm nhân tố và thang đo nghiên cứu

Nhóm nhân tố	Thang đo
Kiểm tạo khôn nghiệp (KTKN)	DT8, KT4, KT7, KT8, KT9, KT10, KT11
Chương trình đào tạo đại học hướng khởi nghiệp (CTDT)	DT1, DT2, DT3, DT4, KT5, KT6
Phương pháp đào tạo đại học hướng khởi nghiệp (PPDT)	DT5, DT6, DT7, KT1, KT2, KT3

Khi đó hàm hồi quy được viết lại như sau:

$$YDKN = b_0 + b_1 * KTKN + b_2 * CTDT + b_3 * PPDT + e$$

Kết quả kiểm định thang đo các nhân tố tác động

Tiếp theo nhóm tác giả tiến hành kiểm định thang đo đối với 19 thang đo đại diện cho 03 nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Thăng Long, kết quả cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha của cả 03 nhân tố đều lớn hơn 0.8 và hệ số tương quan biến tổng của các thang đo đều lớn hơn 0.3 nên không loại bỏ thêm biến nào, các thang đo là phù hợp.

4. Thực trạng ý định khởi nghiệp và tác động của hoạt động đào tạo tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Thăng Long

4.1. Thống kê mô tả thực trạng ý định khởi nghiệp và tác động của hoạt động đào tạo tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Thăng Long

Dựa trên kết quả khảo sát và xử lý số liệu thống kê, có thể thấy rằng, sinh viên đang theo học trường Đại học Thăng Long có ý định khởi nghiệp ở mức độ trung bình với 3.19 điểm. Tuy nhiên, họ cũng đánh giá tương đối cao nội dung chương trình đào tạo định hướng khởi nghiệp và phương pháp đào tạo định hướng khởi nghiệp của nhà trường với mức điểm trung bình nhân tố đạt lần lượt là 3.83 và 3.88 điểm. Đặc biệt, sinh viên đánh giá rất cao hoạt động kiến tạo khởi nghiệp của nhà trường với giá trị trung bình nhân tố đạt 4.02 điểm.

Kết quả này cho thấy, mặc dù hoạt động đào tạo của trường Đại học Thăng Long đã được sinh viên đánh giá rất cao về nội dung, phương pháp và mang tính định hướng khởi nghiệp cho sinh viên nhưng ý định khởi nghiệp của sinh viên vẫn ở mức khá khiêm tốn. Điều này đòi hỏi nhà trường cần có những điều chỉnh trong hoạt động đào tạo, chính sách quản lý..., để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên trở thành hoạt động khởi nghiệp của sinh viên nhà trường.

4.2. Thực trạng mức độ tác động của hoạt động đào tạo tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Thăng Long

Để đánh giá mức độ tác động của hoạt động đào tạo tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Thăng Long, nhóm tác giả tiến hành phân tích sự phụ thuộc của "Ý định khởi nghiệp" của sinh viên nhà trường vào các biến độc lập đã nêu. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tính giá trị của biến phụ thuộc và các biến độc lập trong mô hình được theo giá trị trung bình đã tính để trong số của các quan sát (factor score). Kết quả phân tích hồi quy được thể hiện như sau:

Bảng 3. Bảng kết quả hồi quy

R	Hệ số xác định R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
0.528 ^a	0.278	0.273	0.83251432	1.983

a. Predictors: (Constant), KTKN, CTDT, PPDT.

b. Dependent Variable: YDKN

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy hệ số xác định R² = 0.278, điều này nói lên sự biến thiên của "Ý định khởi nghiệp" của sinh viên trường Đại học Thăng Long được giải thích bởi 03 nhân tố tác động trong mô hình.

Để kiểm định độ phù hợp của mô hình hồi quy tổng thể, cần xem xét giá trị thống kê F trong bảng phân tích phương sai ANOVA. Theo Bảng 4, giá trị F = 53.254, với mức ý nghĩa Sig. = 0.000 < 0.05, buộc đầu cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được.

Bảng 4: Kết quả phân tích phương sai ANOVA

Mô hình	Tổng các bình phương	Bậc tự do (df)	Phương sai	F	Sig.
Hồi quy	116.113	3	38.704	53.254	0.000 ^a
Phần dư	300.887	414	0.727		
Total	417.000	417			

a. Dependent Variable: YDKN.

b. Predictors: (Constant), KTKN, CTDĐT, PPDT

Hệ số phóng đại phương sai VIF thu được trong Bảng 5 của các nhân tố đều bằng 1 và hệ số hàm đo quy B với hệ số Beta chuẩn hóa đều bằng nhau là do phương pháp tính các giá trị theo giá trị trung bình có trọng số thì các dữ liệu khi chạy hồi quy đều đã được chuẩn hóa trước, từ đó, có thể kết luận rằng, mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến, tức là các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau.

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy đa biến Coefficients

Nhân tố	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa		t	Sig.	Thông tin cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta	1			Độ chấp nhận	VIF
(Constant)	-1.999E-	0.042		0.000	1.000			
KTKN	0.319	0.042	0.319	7.636	0.000	1.000	1.000	1.000
CTDĐT	0.216	0.042	0.216	5.168	0.000	1.000	1.000	1.000
PPDT	0.361	0.042	0.361	8.645	0.000	1.000	1.000	1.000

a. Dependent Variable: YDKN

diễn đàn, sự kiện kết nối giao lưu giữa sinh viên và các doanh nghiệp, tạo ra các sản phẩm về khởi nghiệp nhằm giúp sinh viên có thêm nhiều kỹ năng, ý tưởng kinh doanh cũng như các mô hình kinh doanh sáng tạo. Tham gia sâu vào việc gọi vốn, đầu tư và tạo không gian làm việc cho sinh viên cũng là vai trò rất quan trọng từ nhà trường để thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp. Bên cạnh đó, phương pháp đào tạo cũng cần phải gắn với thực tiễn nhiều hơn, mang tính định hướng nghề nghiệp rõ hơn, hướng sinh viên tới những kiến thức thực tế kinh doanh nhiều hơn... để sinh viên có điều kiện tiếp cận và vận dụng ý chí khởi nghiệp của riêng mình/.

Tài liệu tham khảo

Hà Kiên Tân, Nguyễn Ngọc Diễm, Nguyễn Trọng Minh (2018), "Vai trò của giáo dục đối với nhận thức và ý định khởi Nghiệp của sinh viên trường đại học kinh tế - kỹ thuật Bình Dương", Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật, Số đặc biệt, pp. 1 - 15.

Nguyễn Thu Thủy (2014), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tiềm năng khởi sự kinh doanh của sinh viên đại học, Luận án tiến sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Bảo Trung, Phan Thị Lê Thu (2017), "Ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên trường cao đẳng nghề Ninh Thuận", Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật, Số đặc biệt, pp. 19 - 29.

Ajzen, I. (1991), "The Theory of Planned Behavior", ORGANIZATIONAL BEHAVIOR AND HUMAN DECISION PROCESSES, 50, pp. 33.

Krueger, N. F., Reilly, M. D., Carsrud, A. L. (2000), "Competing models of entrepreneurial intentions", Journal of Business Venturing, 15, pp. 411 - 432.

Reingiah, P. (2013), Effectiveness of entrepreneurship education in developing entrepreneurial intentions among Malaysian university students.Southern Cross University.

Souitaris, V., Zerbiniati, S., Al-Laham, A. (2007), "Do entrepreneurship programmes raise entrepreneurial intention of science and engineering students? The effect of learning, inspiration and resources", Journal of Business Venturing, 22 (4), pp. 566 - 591.

Tubbs, M. E., Ekeberg, S. E. (1991), "The role of intentions in work motivation: Implications for goal-setting theory and research", Academy of Management Review, 16 (1), pp. 180 - 199.

Từ kết quả phân tích hồi quy ta có:

$$YDKN = 0.319KTKN + 0.216CTDĐT + 0.361PPDT - 1.999E - 016$$

Mô hình trên giải thích được 27,3% (R2 hiệu chỉnh = 0.273), sự thay đổi của "ý định khởi nghiệp" của sinh viên trường Đại học Thăng Long là do các biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 72,7% sự thay đổi được giải thích bởi các nhân tố khác ngoài mô hình. Trong đó, có 03 nhân tố đều tác động thuận chiều với "ý định khởi nghiệp" và theo mức độ tăng dần từ "Chương trình đào tạo định hướng khởi nghiệp" với giá trị Beta đạt 0.216 đến "Kiến tạo khởi nghiệp" với hệ số Beta đạt 0.319 và cao nhất là "Phương pháp đào tạo định hướng khởi nghiệp" với hệ số Beta đạt 0.361.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Như vậy qua nghiên cứu tác động của hoạt động đào tạo đại học tới ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Thăng Long cho thấy, có 03 nhân tố tác động đó là "Kiến tạo khởi nghiệp", "Chương trình đào tạo định hướng khởi nghiệp" và "Phương pháp đào tạo định hướng khởi nghiệp". Các nhân tố này đều tác động thuận chiều đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên nhà trường. Cùng qua kết quả nghiên cứu này cho thấy, để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên nhà trường thông qua các hoạt động đào tạo thì nhà trường cần có các tác động tích cực hơn nữa vào "Phương pháp đào tạo định hướng khởi nghiệp" và "Kiến tạo khởi nghiệp" bằng việc tạo ra môi trường thuận lợi, hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp và xây dựng vườn ươm khởi nghiệp cho sinh viên nhà trường. Cụ thể, trường Đại học Thăng Long cần tổ chức nhiều